

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHỌN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT CỦA SINH VIÊN

Nguyễn Thị Hương Mai, Vũ Thị Hằng, Bùi Đức Minh,
Nguyễn Thị Nhi, Vũ Thị Thảo

Lớp: Kế toán A1, A2 K65

Tóm tắt: Với mục tiêu nghiên cứu và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định chọn Trường Đại học Mỏ - Địa chất của sinh viên làm cơ sở đề xuất một số kiến nghị làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách và các giải pháp thu hút sinh viên của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, nhóm nghiên cứu đã đề xuất mô hình phân tích nhân tố ảnh hưởng tới quyết định chọn trường đại học của sinh viên từ số liệu sơ cấp được thu thập từ mẫu nghiên cứu nhóm sinh viên K63,64,65,66 hệ chính quy học tại Hà Nội trường ĐH Mỏ - Địa chất. Kết quả đã chỉ ra nhân tố quan trọng nhất tác động đến việc chọn trường Đại học Mỏ - Địa chất của sinh viên là nhân tố Học bổng ($\beta=0,304$). Ngoài ra, nhân tố truyền thông ($\beta=0,279$) và lời tư vấn của mọi người ($\beta=0,266$) cũng ảnh hưởng tương đối lớn đến quyết định chọn trường Đại học Mỏ - Địa chất của sinh viên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đứng trước ngưỡng cửa đại học, hầu hết học sinh đều phân vân, trăn trở về ngôi trường của mình vì đây chính là yếu tố quan trọng quyết định tương lai của mỗi người. Trong quá trình chọn trường học có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng và tác động đến sự lựa chọn của học sinh. Vì vậy, nhóm nghiên cứu đã đưa ra quyết định tìm hiểu về nguyên nhân dẫn đến việc quyết định lựa chọn Trường Đại học Mỏ - Địa Chất là nơi gửi gắm thanh xuân, tuổi trẻ 4-5 năm. Theo như nghiên cứu và tìm hiểu một số tài liệu thì đa số học sinh cuối cấp 12 dựa vào ý kiến của gia đình, người thân ở trên thế giới, Chapman (1981) với công trình nghiên cứu về “mô hình lựa chọn trường đại học của sinh viên” đăng trên tạp chí “Giáo dục đại học” đã đề xuất mô hình có 5 yếu tố bao gồm: nỗ lực giao tiếp với sinh viên; chi phí; người quan trọng, khả năng và mức độ đam mê của học sinh.

Việc lựa chọn trường đại học được dựa trên nhiều yếu tố đến từ cả 2 phía bản thân học sinh và trường đại học, bên cạnh đó còn có rất nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Nhận ra tầm quan trọng của việc chọn trường đại học, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn đề tài: “**Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường Đại học đại học Mỏ - Địa chất của sinh viên**” nhằm tìm hiểu các yếu tố quan trọng tác động đến quá trình ra quyết định chọn trường, từ đó thỏa mãn yêu cầu và nhận được sự hài lòng tối đa từ phía sinh viên, thu hút nhiều sinh viên vào trường, chọn đúng đối tượng để giới thiệu về trường Đại học Mỏ - Địa chất, nhằm đánh giá mức độ thích ứng môi trường đào tạo của nhà trường với nhu cầu của thị trường lao động, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại trường Đại học. Bài nghiên cứu của nhóm sẽ chỉ rõ mức độ ảnh hưởng các nhân tố liên quan đến việc lựa chọn trường đại học nói chung và trường Đại học Mỏ Địa chất để giúp thuận lợi trong việc tuyển sinh và cải thiện chất lượng đầu ra của trường

đại học, ngoài ra còn làm cơ sở đề xuất một số kiến nghị làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách và các giải pháp thu hút sinh viên của Trường Đại học Mở - Địa chất.

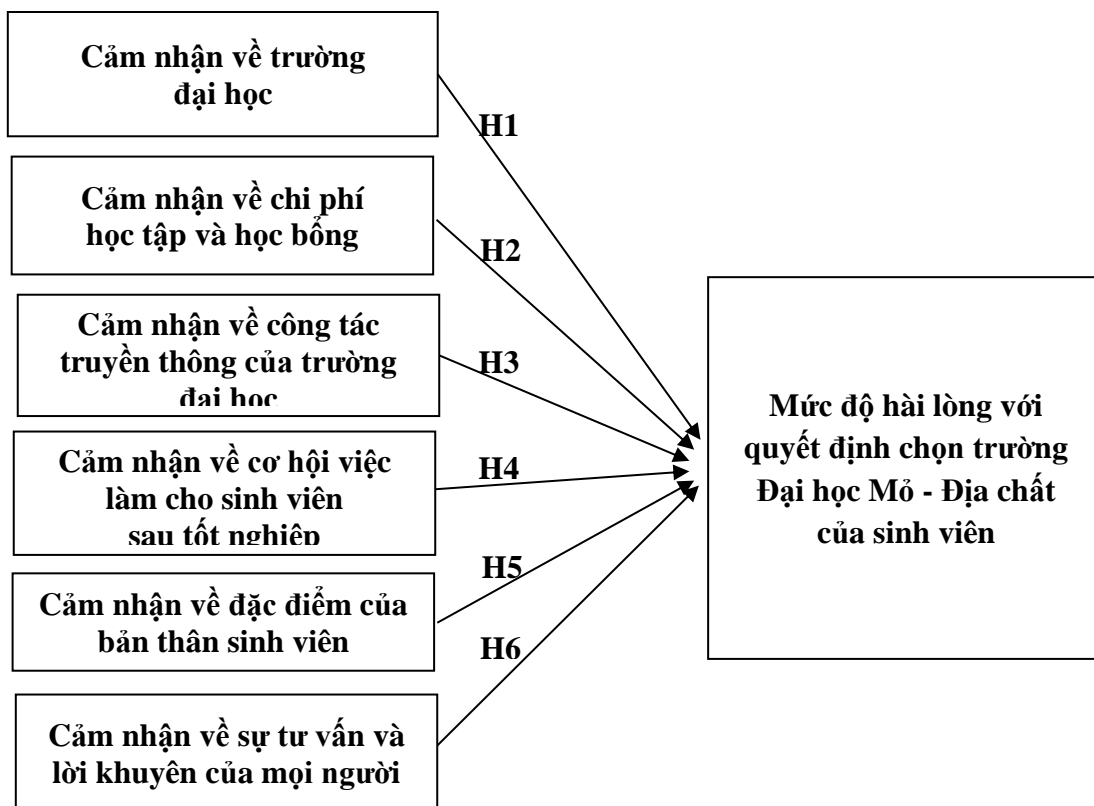
2. KHUNG LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết

Nhóm nghiên cứu dựa trên cơ sở lý thuyết của tác giả D.W. Chapman (1981) và tác giả Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009) để điều chỉnh và bổ sung so cho phù hợp với đối tượng nghiên cứu là sinh viên trường Đại học Mở - Địa chất. Tác giả D.W. Chapman (1981) đã đề xuất mô hình gồm 2 nhóm yếu tố ảnh hưởng nhiều đến quyết định chọn trường ĐH của học sinh. Tác giả Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009) đã đề xuất mô hình gồm 5 yếu tố bao gồm: Yếu tố cơ hội việc làm trong tương lai; đặc điểm cố định của trường đại học; về bản thân cá nhân học sinh; về cá nhân có ảnh hưởng đến quyết định của học sinh; về thông tin có sẵn ảnh hưởng đến quyết định chọn trường.

2.2. Mô hình nghiên cứu

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, thang đo được xây dựng dựa trên cơ sở lý thuyết về xây dựng thang đo và về sự thỏa mãn, đồng thời tham khảo các thang đo đã được phát triển trên thế giới như SERQUAL (Zeithaml và Bitner, 1996), các nghiên cứu mẫu về chất lượng dịch vụ và sự thỏa mãn (Parasuraman, 1991). Có tất cả 06 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến *quyết định chọn trường Đại học của sinh viên đại học Mở - Địa chất*.



Hình 1: Mô hình lý thuyết của đề tài

Để đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn Trường Đại học Mở - Địa chất của sinh viên, nhóm nghiên cứu dựa trên kết quả nghiên cứu tài liệu của các tác

giả kết hợp với việc thực hiện phỏng vấn một nhóm đối tượng sinh viên để đưa ra 48 biến quan sát cho 7 nhóm nhân tố ảnh hưởng này. Trong đó có 6 nhân tố độc lập với 44 biến quan sát và 1 nhân tố phụ thuộc với 4 biến quan sát. Các giả thuyết của mô hình được nêu như sau:

Giả thuyết H1: Đặc điểm của trường đại học càng tốt thì xu hướng chọn trường đại học đó càng cao.

Giả thuyết H2: Chi phí học tập phù hợp khả năng tài chính của gia đình học sinh và học sinh có cơ hội nhận được nhiều học bổng của trường đại học đó thì xu hướng lựa chọn trường đó sẽ cao.

Giả thuyết H3: Nỗ lực quảng bá truyền thông để giao tiếp với học sinh càng tốt thì xu hướng sẽ chọn trường đó nhiều hơn.

Giả thuyết H4: Tỷ lệ có việc làm hoặc cơ hội có việc làm thu nhập cao của sinh viên sau khi tốt nghiệp của các ngành ở trường đại học đó cao hơn những trường khác thì xu hướng lựa chọn trường đó sẽ cao.

Giả thuyết H5: Đặc điểm của bản thân sinh viên trong đó sự phù hợp của ngành học với khả năng học tập hay sở thích càng cao thì sẽ có xu hướng chọn trường đại học đó cao.

Giả thuyết H6: Sự định hướng của người xung quanh càng lớn thì xu hướng chọn trường đại học đó càng cao.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu đề tài, nhóm nghiên cứu thực hiện sử dụng các phương pháp như: Phương pháp định tính và phương pháp định lượng: *Phương pháp nghiên cứu tài liệu, Phương pháp phỏng vấn, Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, Phương pháp thu thập, phân tích và xử lý thông tin.* Đối với các thông tin định lượng, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê toán như bảng tính Excel, biểu đồ, đồ thị... Đối với các thông tin định tính, nhóm nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS.20

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Kiểm định độ tin cậy

Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo của các nhân tố độc lập bằng công cụ Cronbach's Alpha:

Bảng 1. Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo của các nhân tố độc lập

Nhân tố	Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
Hệ số Cronbach's Alpha = 0.935					
Cảm nhận về trường đại học	DH1	50.36	53.402	.688	.931
	DH2	50.21	56.198	.709	.930
	DH3	50.09	54.348	.636	.933
	DH4	50.26	57.839	.596	.933
	DH5	50.02	54.034	.748	.929
	DH6	50.33	53.096	.740	.929

Nhân tố	Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
	DH7	50.23	56.857	.615	.932
	DH8	50.02	56.618	.688	.931
	DH9	50.16	56.264	.758	.929
	DH10	50.16	56.822	.676	.931
	DH11	50.21	56.185	.721	.930
	DH12	50.23	55.957	.714	.930
	DH13	50.14	57.738	.631	.932
	DH14	50.20	56.030	.681	.931
	DH15	50.12	56.654	.657	.931
	Hệ số Cronbach's Alpha = 0.932				
Cảm nhận về chi phí học tập và học bổng	CP1	23.85	16.498	.764	.924
	CP2	23.77	16.900	.739	.926
	CP3	23.70	15.359	.891	.911
	CP4	23.66	16.832	.830	.918
	CP5	23.61	17.070	.815	.920
	CP6	23.73	15.768	.873	.913
	CP7	23.96	17.814	.589	.940
	Hệ số Cronbach's Alpha = 0.934				
Cảm nhận về công tác truyền thông của trường đại học	TT1	22.29	15.298	.790	.924
	TT2	22.18	15.530	.740	.928
	TT3	22.25	14.735	.881	.915
	TT4	22.26	14.370	.812	.923
	TT5	22.31	15.245	.853	.918
	TT6	22.22	15.625	.807	.923
	TT7	22.20	16.472	.643	.936
	Hệ số Cronbach's Alpha = 0.950				
Cảm nhận về cơ hội việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp	VL1	22.13	15.098	.801	.945
	VL2	22.12	14.962	.853	.940
	VL3	22.08	14.939	.882	.938
	VL4	22.20	14.243	.875	.939
	VL5	22.18	14.978	.836	.942
	VL6	22.10	14.816	.817	.944
	VL7	22.12	15.970	.759	.948
	Hệ số Cronbach's Alpha = 0.867				
Cảm nhận về đặc điểm của bản thân sinh viên	SV1	10.99	4.811	.682	.866
	SV2	10.90	5.977	.782	.815
	SV3	11.11	5.336	.821	.789

Nhân tố	Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
	SV4	10.94	6.100	.658	.854
Hệ số Cronbach's Alpha = 0.947					
Cảm nhận về sự tư vấn và lời khuyên của mọi người	LK1	9.91	7.680	.875	.930
	LK2	9.88	7.854	.902	.921
	LK3	9.83	8.656	.824	.946
	LK4	9.82	7.765	.895	.923
Hệ số Cronbach's Alpha = 0.864					
Mức độ hài lòng đối với quyết định chọn Trường ĐH Mở - Địa chất	HL1	11.43	3.348	.789	.796
	HL2	11.38	3.323	.716	.825
	HL3	11.82	3.591	.594	.874
	HL4	11.74	3.275	.760	.806

(Nguồn: Xử lý từ dữ liệu khảo sát của nhóm tác giả)

3.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Sau khi thực hiện chạy mô hình phân tích EFA cho các nhân tố độc lập trên phần mềm SPSS 20.0, kết quả được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả kiểm định KMO và phân tích nhân tố khám phá EFA cho các nhân tố độc lập

Hệ số KMO		.839
Kiểm định Bartlett	Approx. Chi-Square	16234.843
	df	406
	Sig.	0.000

Total Variance Explained

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	11.562	39.871	39.871	11.562	39.871	39.871	5.570	19.208	19.208
2	4.418	15.235	55.106	4.418	15.235	55.106	4.752	16.388	35.596
3	2.546	8.779	63.885	2.546	8.779	63.885	4.685	16.156	51.752
4	1.888	6.509	70.394	1.888	6.509	70.394	3.448	11.889	63.642
5	1.737	5.990	76.383	1.737	5.990	76.383	2.704	9.324	72.965
6	1.281	4.418	80.801	1.281	4.418	80.801	2.272	7.836	80.801
7	.853	2.942	83.743						
8	.690	2.379	86.122						
9	.558	1.925	88.047						
10	.526	1.815	89.862						
11	.421	1.451	91.313						
12	.363	1.250	92.563						
13	.293	1.009	93.572						

14	.250	.862	94.434					
15	.222	.767	95.201					
16	.197	.678	95.878					
17	.162	.559	96.437					
18	.151	.522	96.959					
19	.147	.507	97.467					
20	.133	.458	97.925					
21	.114	.392	98.317					
22	.096	.329	98.646					
23	.082	.283	98.929					
24	.076	.261	99.190					
25	.067	.232	99.422					
26	.050	.172	99.594					
27	.046	.160	99.754					
28	.043	.147	99.901					
29	.029	.099	100.000					

Rotated Component Matrix^a

	Component					
	1	2	3	4	5	6
VL3	.846					
VL4	.845					
VL2	.807					
VL1	.791					
VL5	.783					
VL6	.748					
VL7	.727					
TT3		.886				
TT4		.838				
TT1		.808				
TT5		.805				
TT2		.760				
TT6		.703				
LK3			.885			
LK2			.841			
LK1			.819			
LK4			.813			
SV4			.760			
SV3			.751			
CP7				.825		
CP5				.801		
CP6				.788		
CP4				.775		
DH2					.835	
DH5					.794	
DH11					.664	
DH7					.663	

CP2						.847
CP1						.838

(Nguồn: Xử lý từ dữ liệu khảo sát của nhóm tác giả)

Như vậy, ở lần chạy thứ 3, sau khi loại bỏ 15 biến quan sát và giữ lại 29 biến quan sát thì mô hình phân tích EFA là phù hợp. Ở lần phân tích EFA thứ ba này, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải factor loading lớn hơn 0,5. Các nhân tố này hội tụ thành 6 nhóm nhân tố mới:

- Nhóm 1 gồm 7 biến quan sát: VL3, VL4, VL2, VL1, VL5, VL6, VL7. Nhóm nghiên cứu đặt tên cho nhóm này là Cơ hội việc làm (Viết tắt là Cohoi_vieclam)
- Nhóm 2 gồm 6 biến quan sát: TT3, TT4, TT1, TT5, TT2, TT6. Nhóm nghiên cứu đặt tên cho nhóm này là Truyền thông (Truyenthong)
- Nhóm 3 gồm 6 biến quan sát: LK3, LK2, LK1, LK4, SV4, SV3. Nhóm nghiên cứu đặt tên cho nhóm này là Lời khuyên (Loikhuyen)
- Nhóm 4 gồm 4 biến quan sát: CP7, CP5, CP6, CP4. Nhóm nghiên cứu đặt tên cho nhóm này là Học bổng (Hocbong)
- Nhóm 5 gồm 4 biến quan sát: DH2, DH5, DH11, DH7. Nhóm nghiên cứu đặt tên cho nhóm này là Đặc điểm của trường Đại học (Dacdiem_truongDH)
- Nhóm 6 gồm 2 biến quan sát: CP2, CP1. Nhóm nghiên cứu đặt tên cho nhóm này là Chi phí học tập (Chiph_i_hoctap)

Sau khi thực hiện chạy mô hình phân tích EFA cho các nhân tố phụ thuộc trên phần mềm SPSS 20.0.

3.3. Phân tích hồi quy

Sau khi phân tích tương quan Pearson giữa các biến với nhau, nhóm nghiên cứu tiến hành phân tích hồi quy để xây dựng mô hình nghiên cứu trên phần mềm SPSS 20.0. Qua phân tích hồi quy, ta thấy R^2 hiệu chỉnh bằng 0,533 có nghĩa là 53,3% sự biến thiên của Hailong (Sự hài lòng của SV) được giải thích bởi sự biến thiên của 6 nhân tố độc lập. Trong bảng phân tích phương sai, cho thấy trị số F có mức ý nghĩa với Sig. = 0,000 < 0,05 có nghĩa mô hình hồi quy tuyến tính đưa ra là phù hợp với dữ liệu thực tế thu thập được và các biến đưa vào đều có ý nghĩa trong thống kê với mức ý nghĩa 5% (độ tin cậy 95%). Hệ số phóng đại phương sai VIF đạt giá trị lớn nhất là 2,049 (nhỏ hơn 10) cho thấy các biến độc lập này không có quan hệ chặt chẽ với nhau nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra. Do đó, mối quan hệ giữa các biến độc lập không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả giải thích của mô hình hồi quy.

Kết quả phân tích hồi quy được trình bày trong Bảng 4.

Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy

ANOVA^a

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	90.319	6	15.053	89.409	.000 ^b
	Residual	77.278	459	.168		
	Total	167.597	465			

a. Dependent Variable: Hailong

b. Predictors: (Constant), Chiphhi_hoctap, Loikhuyen, Daihoc, Truyenthong, Hocbong, Cohoi_vieclam

Model Summary^b

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.734 ^a	.539	.533	.41032	2.156

a. Predictors: (Constant), Chiphhi_hoctap, Loikhuyen, Daihoc, Truyenthong, Hocbong, Cohoi_vieclam

b. Dependent Variable: Hailong

Coefficients^a

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	.652	.154		4.240	.000		
	Cohoi_vieclam	.076	.042	.082	1.797	.073	.488	2.049
	Truyenthong	.247	.037	.279	6.695	.000	.580	1.725
	Loikhuyen	.191	.029	.266	6.528	.000	.605	1.654
	Hocbong	.264	.038	.304	6.897	.000	.517	1.933
	Dacdiem_truongDH	.207	.039	.198	5.238	.000	.704	1.420
	Chiphhi_hoctap	-.109	.031	-.143	-3.552	.000	.617	1.622

a. Dependent Variable: Hailong

(Nguồn: Xử lý từ dữ liệu khảo sát của nhóm tác giả)

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy: Biến Cohoi_vieclam có giá trị sig kiểm định t bằng 0,073 > 0,05, do đó biến quan sát này không có ý nghĩa thống kê trong mô hình hồi quy, hay nói cách khác, với mức ý nghĩa 5% thì biến này không có sự tác động lên biến phụ thuộc Hailong (Sự hài lòng của sinh viên). Các biến còn lại đều có sig kiểm định t nhỏ hơn 0,05, do đó các biến này đều có ý nghĩa thống kê, đều tác động lên biến phụ thuộc Hailong.

Từ hệ số Beta hiệu chỉnh, nhóm nghiên cứu xây dựng được mô hình hồi quy chuẩn hóa cho các nhân tố ảnh hưởng tới sự hài lòng của sinh viên đối với quyết định chọn Trường Đại học Mở Địa Chất như sau:

$$\text{Hailong} = 0.304*\text{Hocbong} + 0.279*\text{Truyenthong} + 0.266*\text{Loikhuyen} + 0.198*\text{Dacdiem_truongDH} - 0.143*\text{Chiphhi_hoctap} + \varepsilon$$

Như vậy, so sánh mức độ tác động của 5 biến này vào biến phụ thuộc Sự hài lòng của sinh viên theo thứ tự mạnh nhất giảm dần đến thấp nhất như sau: ta thấy biến Hocbong có tác động mạnh nhất ($\beta = 0,304$), tiếp đến là biến Truyenthong có hệ số $\beta = 0,279$, tiếp theo là biến Loikhuyen có hệ số $\beta = 0,226$, và cuối cùng là biến Dacdiem_truongDH có hệ số $\beta = 0,198$ là thấp nhất. Trong số các biến quan sát thì có duy nhất biến Chiphhi_hoctap có sự tác động ngược chiều với hệ số $\beta = -0,143$. Điều này cho thấy khía cạnh Hocbong, Truyenthong, Loikhuyen, Dacdiem_truongDH đều góp phần tạo nên Sự hài lòng của SV đối với quyết định chọn Trường Đại học Mở - Địa Chất, còn khía cạnh chi phí học tập) càng tăng cao thì càng làm giảm sự hài lòng của sinh viên.

4. GIẢI PHÁP

4.1. Tích cực xây dựng thương hiệu của Nhà trường

Ngày nay, người học có quyền tự do lựa chọn trường đại học, cao đẳng để học, họ sẽ lựa chọn trường đại học, cao đẳng nào còn phụ thuộc rất nhiều vào sự hiểu biết, tình cảm, sự tin tưởng của cá nhân đối với trường đại học, cao đẳng đó. Vì vậy việc xây dựng thương hiệu trong giáo dục là điều cần thiết không chỉ đối với Trường ĐH Mở - Địa chất riêng mà còn có ý nghĩa đối với các trường đại học, cao đẳng nói chung.

4.2. Cải thiện cơ sở vật chất và các nguồn lực của Nhà trường

Muốn thực hiện được việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý dạy và học Trường ĐH Mở - Địa chất nên làm tốt những nhiệm vụ sau:

- Nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên. Luôn tìm tòi phương pháp dạy phù hợp với từng đối tượng tham gia học, làm cho người học cảm thấy hứng thú và tham gia tích cực mọi hoạt động học tập.

- Không ngừng đầu tư cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị phục vụ dạy học. Mạnh dạn đầu tư các loại máy móc thiết bị hiện đại giống với máy móc thiết bị của các doanh nghiệp đang hoạt động, tránh việc sinh viên được đào tạo dựa trên các máy móc thiết bị lạc hậu mà các doanh nghiệp đã không còn sử dụng. Nó sẽ góp phần giúp Trường ĐH Mở - Địa chất trở thành địa chỉ đào tạo đáng tin cậy, nâng cao vị thế thương hiệu, tạo uy tín trong xã hội và cuối cùng sẽ có ảnh hưởng mạnh mẽ đến công tác tuyển sinh của Trường ĐH Mở - Địa chất. Cơ sở vật chất cần được đầu tư và hoàn thiện, đặc biệt là khu nhà kí túc xá cho sinh viên nội trú cần tăng cường các điều kiện phục vụ sinh viên.

4.3. Chương trình đào tạo đa dạng, linh hoạt

Để thực hiện được việc đa dạng hóa và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, các trường đại học cần phải thực hiện:

- Chương trình đào tạo cần được xây dựng theo hướng vừa đảm bảo chất lượng học thuật nhưng phải có sự kết hợp với thực hành thực tế đáp ứng được nhu cầu của các bên liên quan cần. Xây dựng các chương trình đào tạo chất lượng cao và chuyên sâu cho các ngành đào tạo. Đồng thời cần thiết phải có sự phối hợp với các doanh nghiệp, các tổ chức để thiết kế các khóa học nâng cao theo nhu cầu của doanh nghiệp và sinh viên.

- Cần phát triển các ý tưởng về chương trình học mới. Ngoài các một số khoa ở các trường đại học sản xuất những sản phẩm mới, một số khoa khác lại cung ứng những dịch vụ mới. Qua đó giúp sinh viên hứng thú và tạo thêm được nhiều thu nhập tốt. Xây dựng chương trình đào tạo theo hướng linh hoạt, cho phép sinh viên học 2 đến 3 văn bằng hoặc cho phép sinh viên có thể chuyển ngành học để tạo điều kiện cho sinh viên có thêm nhiều cơ hội lựa chọn ngành nghề phù hợp với bản thân và nhu cầu của sinh viên.

4.4. Tăng cường công tác truyền thông

Công tác truyền thông có vị trí và vai trò rất quan trọng trong xu thế phát triển xã hội hiện đại ngày nay. Bên cạnh đó, Nhà trường nên tiếp tục duy trì và tăng cường tổ chức các hoạt động tư vấn tuyển sinh, hội thảo tư vấn hướng nghiệp, tổ chức tham quan trải nghiệm thực tế tại Nhà trường.. Ngoài ra, Nhà trường cũng nên có các chính sách để

biến các cán bộ, giảng viên, sinh viên của Nhà trường trở thành những tuyên truyền viên tích cực, có vai trò quan trọng, là nòng cốt trong công tác tuyển sinh.

4.5. Xây dựng chính sách học phí và học bổng hợp lý

Bên cạnh chính sách học phí thì Nhà trường cũng cần phải chủ động cân đối thu chi, cần có những kế hoạch tăng các nguồn viện trợ để khuyến khích những sinh viên ưu tú. Chẳng hạn, mức học bổng hàng tháng có thể tăng thêm nhờ các khoản viện trợ của các doanh nghiệp, hoặc các tổ chức trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Nhà trường cần có các liên kết với doanh nghiệp, các tổ chức để tranh thủ sự ủng hộ và tạo điều kiện, cơ hội cho sinh viên làm việc tại các khâu nhỏ trong doanh nghiệp để nâng cao thu nhập.

Nhà trường cần xây dựng và điều chỉnh các chính sách hỗ trợ và miễn giảm học phí cho sinh viên, áp dụng chính sách giá thấp thiết kế dành riêng, phân biệt giữa các đối tượng khác nhau

5. KẾT LUẬN

Tình hình dịch bệnh Covid 19 đã được cải thiện đáng kể song những ảnh hưởng của nó tới nền giáo dục vẫn hết sức sâu sắc, đặc biệt là ảnh hưởng đến chất lượng học tập cũng như hình thức, chất lượng, số lượng tuyển sinh vào các trường đại học. Với mục tiêu nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới việc chọn trường Đại học Mở - Địa chất của sinh viên, nhóm nghiên cứu đã đề xuất mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới việc chọn trường Đại học từ số liệu sơ cấp được thu thập từ mẫu nghiên cứu tại trường ĐH Mở - Địa chất. Kết quả đã chỉ ra nhân tố học bổng tác động đến kết quả học tập trực tuyến của sinh viên nhiều nhất. Ngoài ra, nhân tố truyền thông và sự giới thiệu của người khác cũng ảnh hưởng tương đối lớn đến việc chọn trường Đại học của sinh viên. Qua đó, nhóm nghiên cứu đã đưa ra những giải pháp, khuyến nghị đối với sinh viên, giảng viên và cơ sở đào tạo nhằm cải thiện việc tuyển sinh của trường Đại học Mở - Địa chất một cách hiệu quả hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cabrera and La Nasa (2000), ‘Understanding the College-Choice Process’, New Directions for Institutional Research Fall(107), 5-22
2. Chapman, D.W. (1981), ‘A model of student college choice’, The Journal of Higher Education, 52(5), 490–505
3. Chapman, R.G. (1986), ‘Toward a theory of college selection: A model of college search and choice behavior. Advances in Consumer Research’, 13, 246–250
4. Đỗ Thị Hồng Liên (2015), ‘Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học và ngành học của sinh viên Khoa Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội’, Đề tài nghiên cứu cấp trường
5. Trần Văn Quý, Cao Hào Thi (2009), ‘Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường ĐH của học sinh trung học phổ thông’, Tạp chí phát triển KH&CN (số 15-2009), ĐHQG TP.HCM

Người hướng dẫn: **ThS. Phan Minh Quang**